TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 274/2021/QĐST- HNGĐ	*Đông Triều,* ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 397/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh H V H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu T T, phường Y T, thị xã Đ T, tỉnh Q N.

2. Chị N T Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu T T, phường Y T, thị xã Đ T, tỉnh Q N.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21/12/2021;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H V H và chị N T Q xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Hậu và chị Quyên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh H V H và chị N T Q có 02 con chung là H P P, sinh ngày 17/12/2007 và H P A, sinh ngày 11/5/2017. Anh Hậu và chị Quyên cùng thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Anh H V H được giao trực tiếp nuôi con chung là H P P, sinh ngày 17/12/2007 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N T Q được giao trực tiếp nuôi con chung là H P A, sinh ngày

11/5/2017 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hậu, chị Quyên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hậu, chị Quyên có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hậu và chị Quyên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị N T Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*" theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H V H và chị N T Q.

- **Về con chung**: Anh H V H và chị N T Q có 02 con chung là H P P, sinh ngày 17/12/2007 và H P A, sinh ngày 11/5/2017. Anh Hậu và chị Quyên thỏa thuận:

Anh H V H trực tiếp nuôi con chung H P P, sinh ngày 17/12/2007, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị N T Q trực tiếp nuôi con chung H P A, sinh ngày 11/5/2017, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Hậu, chị Quyên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi dưỡng lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N T Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*" là 300.000đ *(*Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009158 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị N T Q đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường Yên Thọ)
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Năm